

BỘ Y TẾ VIỆT NAM
VIETNAM MINISTRY OF
HEALTH
CỤC HẠ TẦNG VÀ THIẾT
BỊ Y TẾ
VIET NAM
INFRASTRUCTURE AND
MEDICAL DEVICE
ADMINISTRATION

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

*Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...
Hanoi, date ... month ... year ...*

**GIẤY CHỨNG NHẬN LƯU HÀNH TỰ DO
CERTIFICATE OF FREE SALE**

1. Giấy chứng nhận số/ Certificate No: /CFS/HTTB

2. Chủ sở hữu thiết bị y tế:

Product Owner:

Địa chỉ:

Address:

3. Thông tin chi tiết thiết bị y tế (Tên thiết bị y tế; Chung loại; Mã sản phẩm; Số lưu hành tại Việt Nam và Cơ sở sản xuất): *Theo phụ lục đính kèm.*

Information of medical devices: (Product name; Model; Product code; Market Authorization number in Vietnam and Manufacturing site): See attached annex.

Văn bản này là để xác nhận rằng các sản phẩm nêu trên tuân theo các quy định của Việt Nam về quản lý thiết bị y tế và được phép bán tại Việt Nam.

This is to certify that the above product(s) complies with the Medical Device regulations of Vietnam and is (are) allowed to be sold in Vietnam.

Giấy chứng nhận này được cấp theo Quyết định số/ This certificate is issued according to Decision No:

Nơi nhận:

-
-
- Lưu: VT, ...,

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI
KÝ**

*(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu của cơ
quan, tổ chức ban hành văn bản)*

Họ và tên

Trang (Page) .../....

**PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM
Attached Annex**

Giấy chứng nhận lưu hành tự do số/ Certificate of Free sale No:
.....CFS/HTTB

I. Cơ sở sản xuất (Manufacturing site(s)):

1.

Tên cơ sở sản xuất:

Name of Manufacturer:

Địa chỉ:

Address:

2.

Tên cơ sở sản xuất:

Name of Manufacturer:

Địa chỉ:

Address:

II. Thông tin sản phẩm (Name of Product(s)):

1.

Tên thiết bị y tế (Product name):

Chủng loại (Model):

Mã sản phẩm (Product code):

Số lưu hành tại Việt Nam (Market Authorization number in Vietnam):

Tên cơ sở sản xuất (Name of Manufacturer)

2.

Tên thiết bị y tế (Product name):

Chủng loại (Model):

Mã sản phẩm (Product code):

Số lưu hành tại Việt Nam (Market Authorization number in Vietnam):

Tên cơ sở sản xuất (Name of Manufacturer):